

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27-01-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Khúc Thị M

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phạm Đức M, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 16/12/2020 và bản tự khai ngày 25/12/2020, chị T trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Phạm Đức M thời gian năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2017 do phong cách sống không còn phù hợp, anh M tính cách gia trưởng, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã

được gia đình thôn xóm khuyên bảo nhiều lần để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh M.

Về con chung: Có 02 con là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/8/2014 và Phạm Bảo N, sinh ngày 12/02/2016, hiện đang do anh M nuôi dưỡng. Chị nhất trí để anh M tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị và anh M tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày và yêu cầu của chị T; Tòa án đã xác M và tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập; thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp của Tòa án cho gia đình anh M và trưởng thôn T, xã M và chính quyền địa phương để giao lại các văn bản tố tụng trên. Anh M đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng trên nhưng không đến Tòa án và Ủy ban nhân dân xã M để trình bày lời khai; tham gia phiên họp và hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó Tòa án đã tổng đạt trực tiếp và hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho trưởng thôn T và Ủy ban nhân dân xã M để giao lại cho anh M. Hôm nay, anh M có mặt tại phiên tòa và trình bày: Anh đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự do Tòa án, trưởng thôn T và gia đình giao lại. Nhưng do bận làm ăn kinh tế nên không đến chính quyền và Tòa án huyện để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nay tại phiên tòa anh M trình bày thống nhất với chị T về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2017 đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh M cũng nhất trí xin ly hôn chị T.

Về con chung: Có 02 con là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/8/2014 và Phạm Bảo N, sinh ngày 12/02/2016, hiện đang do anh M nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đồng ý nhận nuôi cả hai con đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay tại phiên tòa, chị T và anh M đều xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Phạm Đức M.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/8/2014 và Phạm Bảo N, sinh ngày 12/02/2016, hiện đang do anh M nuôi dưỡng, nay tại phiên tòa anh chị thống nhất để anh M tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi đủ 18 tuổi, cần chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/8/2014 và Phạm Bảo N, sinh ngày 12/02/2016 cho anh M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T tự nguyện kết hôn với anh M năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2017 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ

chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay cả hai anh chị đều xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận; nên xử cho chị T được ly hôn anh M là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/8/2014 và Phạm Bảo N, sinh ngày 12/02/2016 hiện đang do anh M nuôi dưỡng. Nay tại phiên tòa, anh chị thống nhất để anh M tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở được chấp nhận. Cần giao cháu Anh và cháu N cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Phạm Đức M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/8/2014 và Phạm Bảo N, sinh ngày 12/02/2016 cho anh M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009022 ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền